# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN CỦA ĐẢNG TA TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

PHẠM QUỐC THỚI (*)

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội là một nội dung quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người. Trong bài viết này, từ việc trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về công bằng xã hội, tác giả đã làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội và sự vận dụng, phát triển của Đảng ta trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.*

Là một người cộng sản chân chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa trí tuệ nhân loại và đặc biệt, Người đã tiếp thu và vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam, trong đó có nội dung về vấn đề công bằng xã hội. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội phải bắt đầu từ cội nguồn mà Người đã tiếp nối mới có thể hiểu một cách đầy đủ và sâu sắc tư tưởng của Người.

**1. Chủ nghĩa Mác - Lênin - cội nguồn của tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội**

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, để xây dựng được một xã hội công bằng thực sự thì phải xóa bỏ sự bất bình đẳng về những điều kiện ban đầu của sản xuất, phải làm cho mọi người được bình đẳng trong quan hệ sở hữu. Điều đó có nghĩa là, phải làm cho mọi người ngang bằng về địa vị trong quan hệ đối với tư liệu sản xuất, bởi đây chính là xuất phát điểm bình đẳng làm cơ sở để thực hiện được công bằng xã hội.

C.Mác cho rằng, sự phân phối thực sự công bằng chỉ có thể là *phân phối theo lao động,* bởi thực hiện công bằng xã hội không phải chỉ phụ thuộc vào lĩnh vực phân phối, mà còn bị chi phối bởi toàn bộ tính chất của phương thức sản xuất. C.Mác phê phán những quan điểm nói đến công bằng xã hội nhưng lại muốn tách quan hệ phân phối khỏi quan hệ sản xuất của một phương thức sản xuất nhất định. Theo C.Mác, công bằng xã hội chỉ thực sự có được trong chủ nghĩa xã hội; bởi vì, chỉ khi đó, chế độ tư hữu mới bị thủ tiêu, chế độ công hữu mới được thiết lập và do vậy, mới có xuất phát điểm bình đẳng trong quan hệ phân phối đảm bảo công bằng xã hội. Nói cách khác, cơ sở của công bằng xã hội là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Chính nhờ có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nhờ quan hệ bình đẳng của mọi thành viên trong xã hội đối với tư liệu sản xuất mà việc phân phối sản phẩm của lao động mới có thể được tiến hành chỉ theo lao động. Và vì chỉ có lao động mới tạo ra của cải nên việc phân phối của cải đó chỉ thực sự công bằng khi căn cứ vào lao động. Như vậy, phân phối theo lao động được thực hiện trong chủ nghĩa xã hội là một nguyên tắc phân phối công bằng.

(*) Nghiên cứu sinh, Học viện Khoa học xã hội.

Khi phân tích nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội trong chủ nghĩa xã hội, C.Mác vạch rõ mặt tiến bộ của nguyên tắc phân phối ấy so với trong chủ nghĩa tư bản và cả những mặt còn hạn chế của nó so với trong giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mặt tiến bộ ấy thể hiện ở chỗ, trong chủ nghĩa xã hội - giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa - sau khi đã khấu trừ các khoản cần thiết để duy trì sản xuất và tái sản xuất mở rộng, để đề phòng thiên tai, dịch họa, để đáp ứng các nhu cầu chung của cộng đồng,... mỗi người sản xuất sẽ nhận được trở lại từ xã hội một số lượng vật phẩm tiêu dùng trị giá ngang với một số lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội.

Trong chủ nghĩa xã hội, không ai có thể cung cấp một cái gì khác ngoài lao động của mình; đồng thời, ngoài những vật phẩm tiêu dùng cá nhân ra thì không còn cái gì khác có thể trở thành sở hữu của cá nhân được. Vì thế, nguyên tắc phân phối trên đây là nguyên tắc phân phối rất công bằng. Đó là mặt tiến bộ của nguyên tắc phân phối theo lao động trong chủ nghĩa xã hội so với nguyên tắc phân phối ngang giá trong chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, nó vẫn có mặt hạn chế. Do những người lao động không phải ai cũng như ai, mà người này khác người kia về thể chất và tinh thần, về năng lực lao động và tay nghề, về năng khiếu cá nhân và hoàn cảnh gia đình,... nên người này vẫn lĩnh được nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia,... C.Mác chỉ rõ rằng, trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, sự phân phối theo lao động chưa loại trừ được tình trạng bất bình đẳng nhất định giữa các thành viên trong xã hội, và đó cũng là thiếu sót không tránh khỏi của nguyên tắc phân phối theo lao động trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

**2. Nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh về công bằng xã hội**

Trực tiếp chứng kiến tất cả những gì xảy ra trong đời sống kinh tế - xã hội ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam giai đoạn trước cách mạng, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, trong chế độ thực dân, phong kiến hoàn toàn không có công bằng và bình đẳng xã hội; mà trong xã hội đó, nhân dân chỉ có *nghĩa vụ* (như nộp sưu đóng thuế, đi lính đi phu) chứ *không có quyền lợi*. Trên thực tế, công nhân và nông dân là lực lượng chủ yếu sáng tạo nên những của cải vật chất trong xã hội và nhờ có sức lao động của họ, xã hội mới tồn tại, phát triển. Song, có một sự bất công là những người lao động thì suốt đời nghèo khổ, trong khi một số ít người không lao động lại "ngồi mát ăn bát vàng". Tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác về công bằng xã hội, khi giải thích căn nguyên của sự bất công trong xã hội cũ, Hồ Chí Minh cho rằng, đó là vì một số ít người đã chiếm làm tư hữu những tư liệu sản xuất của xã hội. Người vạch rõ, trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của bọn thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Từ đó, Người kết luận rằng, công bằng và bình đẳng xã hội thực sự chỉ có được trong chế độ xã hội mới; rằng, dưới chế độ dân chủ cộng hòa, "nhân dân có nghĩa vụ, đồng thời có quyền lợi"(1).

Khi nói đến công bằng xã hội, Hồ Chí Minh thường gắn nó với quan niệm về

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.8. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.264.

bình đẳng xã hội, mà ở đây chính là mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi. Nói cách khác, Hồ Chí Minh coi công bằng xã hội chính là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Với quan niệm như vậy, Người đòi hỏi người lao động phải nhận rõ mình là người chủ nước nhà, và khi đã có quyền làm chủ, thì phải làm trọn nghĩa vụ của người làm chủ - đó là cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, bình đẳng trước hết là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; đồng thời, việc thực hiện sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa thực hiện nghĩa vụ và hưởng thụ quyền lợi ấy lại chính là thực hiện công bằng xã hội. Việc thực hiện một chế độ phân phối công bằng, theo quan niệm Hồ Chí Minh, chính là thực hiện nguyên tắc phân phối bảo đảm phần hưởng thụ tương xứng với mức độ đóng góp, cống hiến của từng cá nhân: *Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng*. Đây là nguyên tắc phân phối công bằng và phù hợp với điều kiện nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, sự bình đẳng của những người lao động trong mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, mà cụ thể là sự ngang bằng về địa vị làm chủ nước nhà, làm chủ tư liệu sản xuất là những điều kiện cơ bản hàng đầu mà chế độ xã hội mới tạo ra, đảm bảo cho mỗi người đều phát huy được mọi khả năng của mình để cùng vươn tới mục tiêu ấm no, hạnh phúc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng xã hội không chỉ biểu hiện như là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà còn là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, một biện pháp căn bản để hiện thực hóa những giá trị, lý tưởng cao cả của chủ nghĩa xã hội. Theo Người, việc thực hiện công bằng xã hội là một yêu cầu bức thiết, và yêu cầu đó ngày càng bức thiết hơn khi cuộc sống còn nhiều khó khăn. Hồ Chí Minh căn dặn, trong công tác lưu thông phân phối, có hai điều quan trọng phải nhớ là: "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng/ Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên"(2). Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng, thực hiện công bằng xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt trong hoàn cảnh nước nhà còn nhiều khó khăn về kinh tế, không có nghĩa là cào bằng sự nghèo khổ. Người khẳng định: "Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bần cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hy sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng"(3). Đề cao sự công bằng trong xã hội, Người cho rằng, "ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con"(4). Với Hồ Chí Minh, không nhất thiết khi xã hội giàu có mới thực hiện được công bằng xã hội, mà ngay khi xã hội chưa thật sự giàu có vẫn có thể thực hiện công bằng xã hội, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau mà thực hiện công bằng xã hội.

Để vượt qua hoàn cảnh còn nhiều khó khăn về kinh tế, Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân phát huy tinh thần đồng

(2) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.15, tr.224.
(3) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.7. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.568.
(4) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.10. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.390.

cam cộng khổ, đùm bọc, tương thân tương ái, đoàn kết, hợp tác vì mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mặc dù cho rằng sự chia sẻ, đồng cam cộng khổ là một điều rất hay, rất tốt, nhất là trong hoàn cảnh còn thiếu thốn trăm bề; song, Hồ Chí Minh kiên quyết chống lại chủ nghĩa bình quân. Người nói: "Đồng cam cộng khổ là tinh thần cần phải có, nhưng nếu bình quân chủ nghĩa thì lại không đúng. Bình quân chủ nghĩa là gì? Là ai cũng như nhau, bằng hết... Bình quân chủ nghĩa là trái với chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng"(5).

Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, công bằng xã hội là một mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới. Nó không phải là chủ nghĩa bình quân, cào bằng sự nghèo khổ. Mục tiêu của chế độ xã hội mới là không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, là phấn đấu "làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm"(6). Những quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh, một lần nữa, cho thấy, ngoài ý nghĩa là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công bằng xã hội còn mang ý nghĩa là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Việc thực hiện công bằng xã hội kích thích, động viên mọi người, tùy theo khả năng, sức lực của mình, tích cực tham gia vào xây dựng một cuộc sống mới, từng bước vươn tới xã hội cộng sản – xã hội mà ở đó, mọi người làm theo năng lực và hưởng theo nhu cầu.

Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh đến việc phải phân biệt rõ lợi ích cá nhân và chủ nghĩa cá nhân. Theo Người, chúng ta phải tôn trọng lợi ích cá nhân nhằm động viên mỗi người không ngừng phấn đấu, cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới; đồng thời, đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân nhằm ngăn chặn tác hại đối với lợi ích chung của xã hội. Người viết: "Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: Quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân"(7). Đồng thời, khẳng định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân, Người cũng nhấn mạnh sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân với lợi ích chung của toàn xã hội và cho rằng, "lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn"(8). Việc bảo vệ lợi ích chung, tức là bảo vệ điều kiện để thực hiện lợi ích cho mỗi cá nhân, được coi là biện pháp nhằm bảo đảm công bằng xã hội. Nguyên tắc hành động "mình vì mọi người, mọi người vì mình" không chỉ là một giá trị văn hóa trong quan hệ ứng xử giữa con người với con người, mà còn thể hiện sự công bằng trong quan hệ lợi ích giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể và cộng đồng.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội là sự bổ sung và tiếp tục phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về nguyên tắc phân phối theo lao động, một nguyên tắc đảm bảo

(5) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.8. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.386.
(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.65.
(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.292.
(8) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.291.

công bằng xã hội trong chủ nghĩa xã hội. Đáng chú ý là, Hồ Chí Minh đã đánh giá rất cao vai trò của công bằng xã hội trong việc làm yên lòng dân và nhờ đó mà xã hội được ổn định để có điều kiện thuận lợi cho phát triển.

**3. Sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội của Đảng ta**

Công bằng xã hội là mục tiêu đã được xác định ngay từ ngày đầu bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong quá trình thực hiện mục tiêu xã hội to lớn đó, chúng ta đã trải qua hai giai đoạn phát triển, đó là *thời kỳ trước đổi mới* và *thời kỳ sau đổi mới đến nay.*

Trong thời kỳ trước đổi mới, xuất phát từ quan điểm cho rằng, chế độ tư hữu là nguồn gốc của bóc lột, gây ra tình trạng bất công và bất bình đẳng xã hội, do vậy, *thực hiện việc xóa bỏ chế độ tư hữu* chính là nội dung chủ yếu của hoạt động nhằm thực hiện công bằng xã hội ở thời kỳ trước đổi mới.

Với những chủ trương lớn đó, ngay từ những năm đầu tiên đi vào cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã giành được một số thành quả to lớn. Việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III đã tạo đà cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc giành được nhiều kết quả quan trọng, đặc biệt là đã đặt nền móng cho việc *xây dựng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa*, xóa bỏ quan hệ sản xuất lạc hậu do chế độ cũ để lại, tạo cơ sở xây dựng chế độ xã hội công bằng và bình đẳng như mục tiêu mà Đảng đã đề ra.

Sau khi giải phóng miền Nam, cả nước bước vào thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặc dù đạt được một số thành tựu bước đầu, nhưng trên thực tế, chúng ta phải đương đầu với rất nhiều khó khăn trong việc phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

Do chưa thấy hết được những khó khăn phức tạp của *con đường đi lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ, phân tán và lạc hậu,* cũng như chưa thấy hết hậu quả của cuộc chiến tranh lâu dài, nên chúng ta đã chủ quan nóng vội đề ra một số chỉ tiêu quá lớn về quy mô, quá cao về tốc độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện phân phối bình quân, cào bằng... đã làm cản trở sản xuất và không phát huy được tính tích cực cũng như sức sáng tạo của người lao động. Khi đó, trong nhận thức cũng như trong hành động, chúng ta không thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất.

Trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ trước đổi mới, cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã làm cho vị trí và vai trò của con người bị hạ thấp, biểu hiện rõ nét ở việc *quyền lợi của con người thường ở hàng thứ yếu so với nghĩa vụ và trách nhiệm.* Con người ở thời kỳ ấy được chú ý tới chủ yếu chỉ từ góc độ là một nhân tố cho sự phát triển kinh tế, chứ không phải là mục tiêu phát triển kinh tế, là kết quả của sự phát triển vì tiến bộ xã hội. Cho nên, đời sống của cá nhân cũng như lợi ích cá nhân rất ít và thậm chí không được đề cập tới trong đời sống chung của tập thể và xã hội.

Bước sang thời kỳ đổi mới, nền kinh tế nước ta đã có sự khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Nếu Đại hội VI của Đảng mới chỉ khẳng định phải "bảo đảm về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với các điều kiện cụ thể của nước ta", thì đến Đại hội VII, Đảng ta khẳng định dứt khoát hơn sự đổi mới trong nội dung của nguyên tắc phân phối bảo đảm công bằng xã hội, rằng "thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu". Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII khẳng định cụ thể hơn, rằng "phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh". Đây là lần đầu tiên, ngoài phân phối theo lao động là chủ yếu, thì việc phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh được chính thức thừa nhận, coi đó là một sự phân phối *hợp pháp* và *hợp lý* trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, việc "phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh" không được tiếp tục nhắc lại trong Văn kiện Đại hội VIII.

Tại Đại hội IX của Đảng, nguyên tắc phân phối được Đại hội thông qua đã thể hiện được nội dung đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn so với các Đại hội trước. Bên cạnh việc nhấn mạnh đến nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ yếu, đồng thời thực hiện phân phối theo phúc lợi xã hội, Đại hội đã bổ sung thêm một hình thức phân phối quan trọng - phân phối theo mức đóng góp vốn vào sản xuất kinh doanh.

Kế thừa và phát triển những thành tựu đạt được trong việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, trong Văn kiện Đại hội XI, Đảng ta khẳng định rằng, "thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững"(9). Để thực hiện công bằng xã hội thì cần thực hiện đúng nguyên tắc phân phối của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là: Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác và thông qua hệ thống phúc lợi xã hội. Đây là sự đổi mới quan trọng trong tư duy về nguyên tắc phân phối *vì mục tiêu công bằng*.

Thực hiện sự phân phối bảo đảm công bằng xã hội thông qua phúc lợi xã hội chính là nhằm trợ giúp trực tiếp cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, giúp họ giảm bớt gánh nặng khó khăn, nhanh chóng thoát khỏi nghèo đói, có cơ hội vươn lên hòa nhập vào sự phát triển chung của xã hội. Sự phân phối nhằm bảo đảm thực hiện công bằng xã hội thông qua phúc lợi xã hội được tiến hành bằng những chính sách xã hội cụ thể khác nhau, nhưng những chính sách xã hội ấy phải dựa trên cơ sở thống nhất với chính sách phát triển kinh tế.

Tóm lại, thực hiện công bằng xã hội trong kinh tế là điều kiện để thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực xã hội. Đến lượt mình, thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực xã hội lại có tác dụng trực tiếp trong việc hạn chế sự phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. ❑

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.124.